TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-3-2022
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Long
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Văn Tao
2. Ông Nguyễn Quốc Xuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2022/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Minh Đ**, sinh năm 1986 *(Có mặt)*

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1992 *(Vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Số X, Ấp 2, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông Trần Minh Đ là nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Minh Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H tự nguyện kết hôn năm 2011. Hai bên có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 153, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/11/2011.

Khi kết hôn ông Đ và bà H sinh sống tại địa chỉ X, Ấp 2, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu vợ chồng cũng chung sống hạnh phúc. Nhưng kể từ cuối năm 2020 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn do bà H thiếu trách nhiệm với chồng con, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 5 năm 2021 đến nay bà H hay bỏ nhà đi vài ngày mới về.

Nay, ông Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông Đ và bà H có 02 con chung là trẻ Trần Minh H1, sinh ngày 07/4/2012 và trẻ Trần Minh N, sinh ngày 06/8/2017. Hiện nay cả hai con đang do ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đ yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông Đ xác định không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông Đ xác định không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án để bà Nguyễn Thị Ngọc H là bị đơn đến Tòa án làm việc và tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bà H vẫn không có mặt mà không có lý do chính đáng.

* Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét vào nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt đương sự đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/11/2011 thì ông Trần Minh Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông Đ xin ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc H. Bà H có nơi cư trú tại huyện Nhà Bè, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong vụ án này, bà Nguyễn Thị Ngọc H là bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tiếp cận công khai thu thập chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

[2.1] Theo lời trình bày của nguyên đơn thì kể từ đầu năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bà H thiếu trách nhiệm với chồng con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đến tháng 5 năm 2021 thì bà H thường xuyên vắng nhà, bỏ mặc ông Đ tự chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có N vụ tH yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".

Theo kết quả xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè thì Hội liên hiệp phụ nữ xã Hiệp Phước không nhận được đơn trình báo

và không giải quyết vụ việc gì liên quan đến vợ chồng ông Trần Minh Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Hội đồng xét xử xét:

Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Trần Minh Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu có duy trì cuộc hôn nhân này thì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Hơn nữa, bà H mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc chứng tỏ bà H cũng không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này nữa. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Trần Minh Đ ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc H là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông Đ yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con.

Hội đồng xét xử xét:

Ông Trần Minh Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H có 02 con chung là trẻ Trần Minh H1, sinh ngày 07/4/2012 và trẻ Trần Minh N, sinh ngày 06/8/2017. Hiện nay con chung đang do ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Tại Bản ghi nhận nguyện vọng, cả trẻ H1 và trẻ N cũng muốn được ở với bố. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của trẻ em, Hội đồng xét xử giao con chung là trẻ Trần Minh H1 và trẻ Trần Minh N cho ông Đ tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc ông Đ không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

[2.4] Về tài sản chung: Ông Đ xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ kiện dân sự khác.

Về nợ chung: Ông Đ xác định không có.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Đ phải nộp, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Đ đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0073379 ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật trẻ em;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Minh Đ được ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc H.

- Về con chung: Giao con chung là trẻ Trần Minh H1, sinh ngày 07/4/2012 và trẻ Trần Minh N, sinh ngày 06/8/2017 cho ông Trần Minh Đ tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc ông Đ không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

Ông Trần Minh Đ có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi bà Nguyễn Thị Ngọc H đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Đ xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ kiện dân sự khác.

Về nợ chung: Ông Đ xác định không có.

2/ Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do ông Đ phải nộp, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Đ đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0073379 ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Ông Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TANDTP,VKSNDTP;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Long